

VĂN PHÒNG CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
*Báo cáo của Hội đồng Quản trị*  
*Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Văn phòng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

**2. Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc

**3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con, liên doanh, liên kết**

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô số 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- |   |  |
|---|--|
| - Công ty Cổ phần SMC Hà Nội  | Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội              |
| - Công ty TNHH SMC – SUMMIT   | KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.            |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (đã giải thể) | 147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |

**4. Các hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

**5. Kết quả của năm tài chính**

Tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 30.

**6. Tài sản lưu động**

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

**7. Các khoản nợ bất ngờ**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Văn phòng Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

**8. Các khoản mục bất thường**

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Anh  
Chủ tịch  
Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Số: 092B/BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC được soạn thảo ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



**NGUYỄN VĂN TUYẾN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458 -2013-042-1

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>2.138.400.102.903</b>	<b>1.658.296.795.185</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>307.955.427.016</b>	<b>164.109.866.435</b>
1. Tiền	111		80.455.427.016	46.857.066.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		227.500.000.000	117.252.800.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.02	<b>616.895.045.167</b>	<b>20.689.928.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		620.513.509.789	23.585.287.362
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(3.618.464.622)	(2.895.359.362)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>1.059.754.876.116</b>	<b>1.244.266.400.807</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.012.472.437.444	782.771.739.275
2. Trả trước cho người bán	132		52.100.363.904	14.225.325.655
3. Các khoản phải thu khác	135		7.991.685.289	457.095.358.874
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.809.610.521)	(9.826.022.997)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>115.299.465.591</b>	<b>181.220.986.722</b>
1. Hàng tồn kho	141		117.046.897.031	183.311.396.740
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.747.431.440)	(2.090.410.018)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>38.495.289.013</b>	<b>48.009.613.221</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.379.352.979	14.357.254.105
2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		25.054.238.839	21.588.969.041
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.061.697.195	12.063.390.075
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>534.356.065.845</b>	<b>596.662.739.985</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>125.584.300.416</b>	<b>156.259.978.501</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	45.085.156.459	83.255.553.844
- Nguyên giá	222		75.793.665.851	107.862.248.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.708.509.392)	(24.606.695.052)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	28.781.183.405	33.645.608.765
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.134.219.504)	(5.269.794.144)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	36.446.203.968	39.358.815.892
- Nguyên giá	228		37.028.979.341	39.778.679.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(582.775.373)	(419.863.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	15.271.756.584	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.10	<b>393.590.591.569</b>	<b>429.109.981.316</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		346.346.000.000	346.346.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		43.390.000.000	43.390.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		76.970.767.544	76.970.767.544
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(73.116.175.975)	(37.596.786.228)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.11	<b>15.181.173.860</b>	<b>11.292.780.168</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.847.883.958	1.908.138.508
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.331.812.259	6.383.164.017
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.001.477.643	3.001.477.643
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.672.756.168.748</b>	<b>2.254.959.535.170</b>



VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

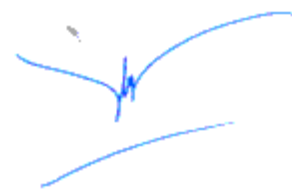
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.138.974.770.605</b>	<b>1.708.079.805.792</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	V.12	<b>2.115.467.515.308</b>	<b>1.656.738.215.196</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.627.402.229.175	771.168.031.005
2. Phải trả người bán	312		452.574.862.870	857.936.371.558
3. Người mua trả tiền trước	313		7.621.010.424	7.472.608.293
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		147.610.314	262.114.003
5. Chi phí phải trả	316		5.164.855.252	639.901.565
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		22.082.423.670	12.347.312.712
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		474.523.603	6.911.876.060
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.507.255.297</b>	<b>51.341.590.596</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	20.909.745.046	51.255.846.641
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	85.743.955
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.597.510.251	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>533.781.398.143</b>	<b>546.879.729.378</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>533.781.398.143</b>	<b>546.879.729.378</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		74.960.097.238	74.960.097.238
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.417.791.134	15.417.791.134
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ)	420		(5.169.377.589)	7.928.953.646
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.672.756.168.748</b>	<b>2.254.959.535.170</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826
5. Ngoại tệ các loại - USD	205,887.89	328,201.55
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Người lập biểu




Đỗ Doãn Thành Công  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 3 năm 2015


**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1		<b>7.154.018.576.779</b>	<b>7.402.955.880.400</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		158.618.513	807.032.602
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.01	<b>7.153.859.958.266</b>	<b>7.402.148.847.798</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	7.030.638.582.729	7.296.873.441.345
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>123.221.375.537</b>	<b>105.275.406.453</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	87.932.347.640	77.470.630.277
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	109.462.377.173	68.573.535.312
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi hỗ trợ vốn	23		52.045.468.303	44.025.247.397
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			36.242.495.007	5.651.712.687
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	63.850.949.561	55.610.733.454
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	35.561.930.456	32.734.308.036
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>2.278.465.987</b>	<b>25.827.459.928</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	47.926.700.595	13.626.308.824
12. Chi phí khác	32	VI.08	41.175.570.345	12.066.086.877
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>6.751.130.250</b>	<b>1.560.221.947</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>9.029.596.237</b>	<b>27.387.681.875</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	156.653.582	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(4.034.392.197)	(44.051.183)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>12.907.334.852</b>	<b>27.431.733.058</b>

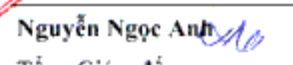
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thị Hồng Phúc  
 Người lập biểu




Đỗ Đoàn Thành Công  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 16 tháng 3 năm 2015

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>9.029.596.237</i>	<i>27.387.681.875</i>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.953.075.115	10.642.613.913
Các khoản dự phòng	03	38.883.103.953	4.406.897.242
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	224.522.260	(3.249.257.671)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(73.843.995.103)	(55.791.924.011)
Chi phí lãi vay	06	52.045.468.303	44.025.247.397
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>40.291.770.765</i>	<i>27.421.258.745</i>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	229.936.269.758	(270.209.326.174)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	66.264.499.709	(95.909.083.719)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(399.967.516.165)	317.469.433.413
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	60.254.550	3.978.000
Tiền lãi vay đã trả	13	(49.313.469.625)	(43.385.345.832)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(156.653.582)	(8.333.750.028)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.909.914.000	461.355.688
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(122.345.130)	(13.783.244.444)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(109.097.275.720)</b>	<b>(86.264.724.351)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16.745.754.084)	(51.265.351.075)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	37.367.961.801	3.158.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.136.552.079.167)	(17.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	539.600.000.000	12.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(80.870.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.317.000	4.102.185.833
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.394.835.913	55.573.651.284
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(548.920.718.537)</b>	<b>(74.101.241.231)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.707.082.390.428	5.829.836.393.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.875.694.349.061)	(5.625.966.759.554)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(6.057.267.584)	(2.994.544.510)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.609.314.400)	(35.413.982.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>801.721.459.383</b>	<b>165.461.107.293</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>143.703.465.126</b>	<b>5.095.141.711</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	164.109.866.435	158.829.698.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	142.095.455	185.026.135
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>307.955.427.016</b>	<b>164.109.866.435</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

#### 2. Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Đà Nẵng.

#### 3. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

#### 4. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

#### 5. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2014: 82 người

#### 6. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

# VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## 6. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82,11%	82,11%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35,00%	35,00%

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 31/12/2014: 21.359 VND/USD.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong năm 2014, Công ty đã thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho từ phương pháp nhập sau xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền.

Việc thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho từ phương pháp nhập sau xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền làm giá vốn đã tăng thêm khoảng 10,3 tỷ đồng và đồng thời giá trị hàng tồn kho cũng đã giảm đi 10,3 tỷ đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 31/12/2014: 21.359 VND/USD.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong năm 2014, Công ty đã thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho từ phương pháp nhập sau xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền.

Việc thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho từ phương pháp nhập sau xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền làm giá vốn đã tăng thêm khoảng 10,3 tỷ đồng và đồng thời giá trị hàng tồn kho cũng đã giảm đi 10,3 tỷ đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 20 năm

## 7. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị	08 năm
------------------	--------

## 8. Đầu tư tài chính

### Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.



# VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### 9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được ghi nhận khi thực tế phát sinh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 15. Ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

#### **Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu**

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

### 16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

### 17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.593.805.038	202.667.193
Tiền gửi ngân hàng	(*) 78.861.621.978	46.654.399.242
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất từ 5,3% - 6%/năm	227.500.000.000	117.252.800.000
<b>Cộng</b>	<b>307.955.427.016</b>	<b>164.109.866.435</b>

(\*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2,075,315.29 USD tương đương 44.326.659.278 đồng.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 4,8% - 6,9%/năm	600.552.079.167	-
Cho vay ngắn hạn	(2.1) 12.400.000.000	16.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.2) 7.561.430.622	7.585.287.362
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2) (3.618.464.622)	(2.895.359.362)
<b>Cộng</b>	<b>616.895.045.167</b>	<b>20.689.928.000</b>
<b>(2.1) Bao gồm:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP Thép Kim Khang (lãi suất 9%/năm)	2.400.000.000	16.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Nam Long (lãi suất 12%/năm)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.400.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>

(2.2) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2014

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
<b>Chứng khoán đã niêm yết</b>				
Công ty CP Thép Pomina	170.670	3.953.038.722	(2.519.410.722)	1.433.628.000
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(*) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
<b>Cộng</b>		<b>7.561.430.622</b>	<b>(3.618.464.622)</b>	<b>3.942.966.000</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 109.376.700 đồng.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn đáng tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1) 1.012.472.437.444	782.771.739.275
Trả trước cho người bán	(3.2) 52.100.363.904	14.225.325.655
Phải thu khác	(3.3) 7.991.685.289	457.095.358.874
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (12.809.610.521)	(9.826.022.997)
<b>Cộng</b>	<b>1.059.754.876.116</b>	<b>1.244.266.400.807</b>
<b>(3.1) Bao gồm:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu thương mại	(*) 288.345.453.019	278.655.197.146
- Phải thu chi nhánh Đà Nẵng	1.981.433.734	1.448.264.131
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	722.145.550.691	502.668.277.998
<b>Cộng</b>	<b>1.012.472.437.444</b>	<b>782.771.739.275</b>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 2,295,262.81 USD tương đương 49.024.518.358 đồng.

(3.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước thương mại (*)	41.870.213.112	3.995.174.863
- Trả trước đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	10.230.150.792	10.230.150.792
<b>Cộng</b>	<b>52.100.363.904</b>	<b>14.225.325.655</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 1,949,080.16 USD tương đương 41.542.593.430 đồng.

(3.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	1.283.013.605	1.052.448.178
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	287.072.784	455.583.228.056
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	5.666.894.060	-
- Khoản cho mượn đến nhân viên	500.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	254.704.840	459.682.640
<b>Cộng</b>	<b>7.991.685.289</b>	<b>457.095.358.874</b>

(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	(9.826.022.997)	(11.222.832.468)
- Trích lập dự phòng	(4.486.062.334)	(104.340.840)
- Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	1.502.474.810	1.501.150.311
- Số dư cuối năm	<b>(12.809.610.521)</b>	<b>(9.826.022.997)</b>

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hoá	117.046.897.031	183.311.396.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(1.747.431.440)	(2.090.410.018)
<b>Cộng</b>	<b>115.299.465.591</b>	<b>181.220.986.722</b>

(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số dư đầu năm	(2.090.410.018)	(1.938.415.992)
- Trích lập dự phòng	-	(151.994.026)
- Hoàn nhập dự phòng	342.978.578	-
- Số dư cuối năm	<b>(1.747.431.440)</b>	<b>(2.090.410.018)</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.379.352.979	14.357.254.105
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (5.1)	25.054.238.839	21.588.969.041
Tài sản ngắn hạn khác (5.2)	8.061.697.195	12.063.390.075
<b>Cộng</b>	<b>38.495.289.013</b>	<b>48.009.613.221</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(5.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn	23.541.653.407	20.076.383.609
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.512.585.432	1.512.585.432
<b>Cộng</b>	<b>25.054.238.839</b>	<b>21.588.969.041</b>

(5.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản tạm ứng	4.508.131.195	4.599.910.075
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	1.973.000.000	2.825.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá (74,000.00 USD)	1.580.566.000	4.638.480.000
<b>Cộng</b>	<b>8.061.697.195</b>	<b>12.063.390.075</b>

### 6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	26.324.680.901	50.226.160.875	16.902.594.407	14.408.812.713	107.862.248.896
Tăng	-	223.597.500	1.155.360.000	-	1.378.957.500
Giảm	2.509.314.818	29.366.325.438	1.571.900.289	-	33.447.540.545
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.815.366.083</b>	<b>21.083.432.937</b>	<b>16.486.054.118</b>	<b>14.408.812.713</b>	<b>75.793.665.851</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.851.688.812	175.583.048	8.942.874.606	10.636.548.586	24.606.695.052
Tăng	982.282.951	3.500.717.583	2.114.675.895	2.307.727.499	8.905.403.928
Giảm	-	1.747.995.562	1.055.594.026	-	2.803.589.588
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.833.971.763</b>	<b>1.928.305.069</b>	<b>10.001.956.475</b>	<b>12.944.276.085</b>	<b>30.708.509.392</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	21.472.992.089	50.050.577.827	7.959.719.801	3.772.264.127	83.255.553.844
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.981.394.320</b>	<b>19.155.127.868</b>	<b>6.484.097.643</b>	<b>1.464.536.628</b>	<b>45.085.156.459</b>

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và do điều chỉnh tăng nguyên giá; Giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.070.439.160 đồng.

Tại ngày 31/12/2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 32.059.434.147 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

### 7. Tài sản cố định thuê tài chính (máy móc thiết bị)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	38.915.402.909	-	-	38.915.402.909
<b>Hao mòn lũy kế</b>	5.269.794.144	4.864.425.360	-	10.134.219.504
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>33.645.608.765</b>			<b>28.781.183.405</b>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	34.982.639.810	4.796.039.341	39.778.679.151
Tăng	-	95.040.000	95.040.000
Giảm	1.374.739.810	1.470.000.000	2.844.739.810
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(*) 33.607.900.000</b>	<b>3.421.079.341</b>	<b>37.028.979.341</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	419.863.259	419.863.259
Tăng	-	183.245.827	183.245.827
Giảm	-	20.333.713	20.333.713
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>582.775.373</b>	<b>582.775.373</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	34.982.639.810	4.376.176.082	39.358.815.892
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.607.900.000</b>	<b>2.838.303.968</b>	<b>36.446.203.968</b>

Phần mềm tăng thêm trong năm là chi phí nâng cấp phần mềm; Giảm là do phân bổ giá trị phần mềm kế toán về các công ty thành viên và chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô thời hạn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên giá phần mềm cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 342.393.816 đồng.

(\*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng. Quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	9.934.618.008	-
Giá trị 2 căn hộ tại Era Town	5.337.138.576	-
<b>Cộng</b>	<b>15.271.756.584</b>	<b>-</b>

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(10.1) 346.346.000.000	346.346.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.1) 43.390.000.000	43.390.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(10.2) 76.970.767.544	76.970.767.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.3) (73.116.175.975)	(37.596.786.228)
<b>Cộng</b>	<b>393.590.591.569</b>	<b>429.109.981.316</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) Bao gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 31/12/2014
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			
(*) - Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100,00%	100,00%	100.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100,00%	100,00%	80.000.000.000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100,00%	100,00%	60.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100,00%	100,00%	30.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100,00%	100,00%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	82,11%	82,11%	26.346.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50,00%	50,00%	41.640.000.000
(**) - Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt	35,00%	35,00%	1.750.000.000
<b>Cộng</b>			<b>389.736.000.000</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được lợi nhuận chuyển về từ các công ty này bằng tiền là 30.116.006.341 đồng. Trong đó, bao gồm lợi nhuận chuyển về của năm 2013 là 12.116.007.041 đồng và năm 2014 là 18 tỷ đồng.

(\*\*) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2014

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
<b>Chứng khoán đã niêm yết</b>				
Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	28.099.960.344	(18.019.960.344)	10.080.000.000
<b>Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM</b>				
Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(10.567.029.200)	1.608.778.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.294.500.000)	425.500.000
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	(1.051.772.651)	9.048.227.349
<b>Cộng</b>		<b>76.970.767.544</b>	<b>(45.933.262.195)</b>	<b>31.037.505.349</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ công ty này bằng tiền là 854.809.700 đồng. Tại ngày 31/12/2014, Công ty không xác định được giá trị sổ sách của chứng khoán chưa niêm yết này do chưa thu thập được Báo cáo Kiểm toán của công ty nhận đầu tư nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.



VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.3) Bao gồm:	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty con	346.346.000.000	(25.847.663.780)	320.498.336.220
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	43.390.000.000	(1.335.250.000)	42.054.750.000
Đầu tư dài hạn khác	76.970.767.544	(45.933.262.195)	31.037.505.349
<b>Cộng</b>	<b>466.706.767.544</b>	<b>(73.116.175.975)</b>	<b>393.590.591.569</b>

11. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(11.1)	1.847.883.958	1.908.138.508
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.2)	10.331.812.259	6.383.164.017
Tài sản dài hạn khác	(11.3)	3.001.477.643	3.001.477.643
<b>Cộng</b>		<b>15.181.173.860</b>	<b>11.292.780.168</b>

(11.1) Trong đó, chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046, có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 1.847.883.958 đồng. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này.

(11.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.818.114.315	2.161.725.059
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.846.936.841	2.317.844.326
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.666.761.103	1.903.594.632
<b>Cộng</b>	<b>10.331.812.259</b>	<b>6.383.164.017</b>

(11.3) Bao gồm:

Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho hợp đồng thuê tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>3.001.477.643</b>	<b>3.001.477.643</b>

12. Nợ ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	(12.1)	1.627.402.229.175	771.168.031.005
Phải trả người bán	(12.2)	452.574.862.870	857.936.371.558
Người mua trả tiền trước	(12.3)	7.621.010.424	7.472.608.293
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(12.4)	147.610.314	262.114.003
Chi phí phải trả	(12.5)	5.164.855.252	639.901.565
Các khoản phải trả khác	(12.6)	22.082.423.670	12.347.312.712
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		474.523.603	6.911.876.060
<b>Cộng</b>		<b>2.115.467.515.308</b>	<b>1.656.738.215.196</b>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.1) Bao gồm:	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	110.621.591.443	737.512.736.373	723.841.652.270	124.292.675.546
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	299.140.553.903	1.241.921.600.888	1.258.812.990.540	282.249.164.251
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	317.631.729.083	1.940.869.334.829	1.298.116.799.522	960.384.264.390
- NH TMCP Quân đội - CN TPHCM	-	235.206.517.905	170.254.085.902	64.952.432.003
- NH TMHH MTV ANZ Việt Nam	-	433.893.729.720	433.893.729.720	-
- NH TNHH MTV Standard Chartered	-	1.949.606.953.581	1.816.892.251.776	132.714.701.805
- Ngân hàng TNHH SHINHAN VN	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP An Bình - SGD TP.HCM	-	39.887.960.000	39.887.960.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	44.941.203.204	-	44.941.203.204
- Vay các cá nhân	37.747.000.000	64.982.000.000	93.812.000.000	8.917.000.000
<b>Cộng vay</b>	<b>765.140.874.429</b>	<b>6.718.822.036.500</b>	<b>5.865.511.469.730</b>	<b>1.618.451.441.199</b>
- Phần ngắn hạn của khoản nợ dài hạn (Mục 13*)	6.027.156.576			8.950.787.976
<b>Cộng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>771.168.031.005</b>			<b>1.627.402.229.175</b>

Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM 140531 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty CP SMC Hà Nội, Công ty và Ngân hàng ngày 23/7/2014 với tổng hạn mức là 213 tỷ đồng; thời hạn vay: 02 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: từ 4,05%/năm đến 5,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa của các công ty với tổng giá trị đảm bảo là 323 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **124.292.675.546 đồng**.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013 và các phụ lục đính kèm với hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 01 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VND là 5%/năm, đối với USD 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **282.249.164.251 đồng**, bao gồm: 150.322.298.103 đồng và 6,176,640.58 USD tương đương 131.926.866.148 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 5 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 800,5 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VND là từ 2,43% đến 5%/năm, USD là từ 2,1% đến 2,53%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; hợp đồng tiền gửi có ký hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **960.384.264.390 đồng**, bao gồm: 675.285.564.164 đồng và 13,347,942.33 USD tương đương 285.098.700.226 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 201.14.110.813881.TD ngày 10/7/2014 và hợp đồng sửa đổi ngày 28/7/2014 với hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo là hàng hóa hiện hữu của Công ty, khoản phải thu hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **64.952.432.003 đồng**.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SBFL/14-43 ngày 13/5/2014 với hạn mức tín dụng là 20,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: đối với VND là từ 4,8% đến 5,1%/năm, USD là 2,8%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **132.714.701.805 đồng**, bao gồm: 76.776.179.244 đồng và 2,618,967.30 USD tương đương 55.938.522.561 đồng.

Khoản vay **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng** theo hợp đồng tín dụng số 214/2014/HDTD/CIB ngày 10/11/2014 với tổng hạn mức là 50 tỷ đồng; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị đảm bảo là 50 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **2,104,087.42 USD** tương đương 44.941.203.204 đồng.

Các khoản **vay cá nhân** được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 7,2%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(12.2) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 974,660.13 USD tương đương 20.817.765.717 đồng.

(12.3) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ là 136,834.26 USD tương đương 2.922.642.959 đồng.

(12.4) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập cá nhân	<u>147.610.314</u>	<u>262.114.003</u>

(12.5) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay còn phải trả	1.417.993.013	639.901.565
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	3.107.566.010	-
- Phí môi giới còn phải trả	<u>639.296.229</u>	-
<b>Cộng</b>	<u><b>5.164.855.252</b></u>	<u><b>639.901.565</b></u>

(12.6) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	228.936.730	87.418.378
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	29.911.018	71.373.578
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	1.194.750.000	1.194.750.000
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	20.430.625.309	10.899.969.033
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	178.491.048	-
- Các khoản phải trả khác	<u>19.709.565</u>	<u>93.801.723</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>22.082.423.670</b></u>	<u><b>12.347.312.712</b></u>

<b>13. Vay và nợ dài hạn</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn (13.1)	13.071.708.000	34.683.180.000
Nợ dài hạn (13.2)	16.788.825.022	22.599.823.217
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(8.950.787.976)	(6.027.156.576)
<b>Cộng</b>	<u><b>20.909.745.046</b></u>	<u><b>51.255.846.641</b></u>

# VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.1) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2014: 2,85%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 612,000.00 USD tương đương **13.071.708.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 133,200.00 USD tương đương 2.845.018.800 đồng (\*).

(13.2) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	31/12/2014	
	USD	Tương đương VND
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	421,396.21	9.000.601.649
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	364,634.27	7.788.223.373
<b>Cộng</b>	<b>786,030.48</b>	<b>16.788.825.022</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (285,864.00)	(6.105.769.176)
<b>Cộng nợ dài hạn</b>	<b>500,166.48</b>	<b>10.683.055.846</b>

#### 14. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	74.960.097.238	-	-	74.960.097.238
Quỹ dự phòng tài chính	15.417.791.134	-	-	15.417.791.134
(c) Lợi nhuận chưa phân phối	7.928.953.646	12.907.334.852	26.005.666.087	(5.169.377.589)
<b>Cộng</b>	<b>546.879.729.378</b>	<b>12.907.334.852</b>	<b>26.005.666.087</b>	<b>533.781.398.143</b>

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>29.511.643</b>	<b>29.511.643</b>
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(b) Tính đến 31/12/2014, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>(c) Lợi nhuận chưa phân phối</b>	
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2014	7.928.953.646
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm	12.907.334.852
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.095.515.509)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2013 (3%)	(8.853.492.900)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2014 (5%)	(14.755.821.500)
- Chi thù lao HĐQT	(298.491.048)
- Khoản khác	(2.345.130)
<b>Lợi nhuận (lỗ) lũy kế đến 31/12/2014</b>	<b>(5.169.377.589)</b>

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Doanh thu thuần</b>	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	7.145.527.188.899	7.401.135.710.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.491.387.880	1.820.170.000
Hàng bán bị trả lại	(158.618.513)	(452.207.002)
Giảm giá hàng bán	-	(354.825.600)
<b>Cộng</b>	<b>7.153.859.958.266</b>	<b>7.402.148.847.798</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thép các loại xuất bán	7.030.981.561.307	7.296.721.447.319
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(342.978.578)	151.994.026
<b>Cộng</b>	<b>7.030.638.582.729</b>	<b>7.296.873.441.345</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.548.103.412	2.974.076.967
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	1.113.111.528	871.111.111
Lãi trái phiếu	-	1.535.000.000
Lãi ứng vốn	13.490.625.886	18.701.815.307
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.685.997.073	19.357.232.472
Lãi bán chứng khoán	14.317.000	2.685.963.370
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.080.192.741	31.137.261.732
Doanh thu tài chính khác	-	208.169.318
<b>Cộng</b>	<b>87.932.347.640</b>	<b>77.470.630.277</b>

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Năm nay	Năm trước
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	50.091.561.073	44.025.247.397
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	3.107.566.010	-
Chi phí lãi hỗ trợ vốn nhận từ Công ty con	1.953.907.230	-
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	36.242.495.007	5.651.712.687
Lỗ bán chứng khoán	23.856.740	2.331.577.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.042.991.113	16.564.998.025
<b>Cộng</b>	<b>109.462.377.173</b>	<b>68.573.535.312</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	5.768.817.255	6.031.665.609
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.454.419	7.452.985
Chi phí khấu hao TSCĐ	525.069.044	520.076.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.604.380.043	36.362.833.071
Chi phí bằng tiền khác	15.947.228.800	12.688.705.057
<b>Cộng</b>	<b>63.850.949.561</b>	<b>55.610.733.454</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.533.343.223	8.478.825.108
Chi phí dụng cụ văn phòng	248.176.366	588.770.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.530.609.804	5.501.333.086
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.983.587.524	(1.396.809.471)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.492.004.605	16.240.293.695
Chi phí bằng tiền khác	2.774.208.934	3.321.895.528
<b>Cộng</b>	<b>35.561.930.456</b>	<b>32.734.308.036</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu do nhượng bán tài sản cố định	31.731.598.165	3.158.272.727
Thu từ chuyển nhượng bất động sản	5.636.363.636	-
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	6.225.000.000	6.225.000.000
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	449.403.031	396.919.172
Thu từ nhận bồi thường	1.149.830.738	1.340.921.246
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	941.494.132	232.175.311
Thu lãi quá hạn	1.705.801.306	2.243.736.717
Thu nhập khác	87.209.587	29.283.651
<b>Cộng</b>	<b>47.926.700.595</b>	<b>13.626.308.824</b>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí khác</b>		
Chi phí nhượng bán tài sản cố định	30.439.665.911	2.940.000.000
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	5.162.158.099	-
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính sử dụng cho thuê	4.892.375.054	4.621.204.095
Chi phí phạt	4.373.401	64.492.971
Xử lý hàng hóa thiếu kiểm kê	493.760.037	2.627.773.512
Thuế TNDN năm 2012 bổ sung	-	1.747.323.790
Chi phí khác	183.237.843	65.292.509
<b>Cộng</b>	<b>41.175.570.345</b>	<b>12.066.086.877</b>
<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.029.596.237	27.387.681.875
Các khoản điều chỉnh tăng	12.030.466.084	2.575.020.855
Các khoản điều chỉnh giảm	(31.080.192.741)	(38.615.405.602)
<b>Thu nhập tính thuế ước tính</b>	<b>(10.020.130.420)</b>	<b>(8.652.702.872)</b>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>(10.732.192.156)</i>	<i>(8.652.702.872)</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BDS</i>	<i>712.061.736</i>	-
Thuế suất	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>156.653.582</b>	-
<b>10. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(656.389.256)	643.983.058
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.529.092.515)	1.088.514.324
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	(1.763.166.471)	(1.903.594.632)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	(85.743.955)	127.046.067
<b>Cộng</b>	<b>(4.034.392.197)</b>	<b>(44.051.183)</b>
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	253.630.785	596.223.075
Chi phí nhân công	13.302.160.478	14.510.490.717
Chi phí khấu hao	13.953.075.115	10.642.613.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.096.384.648	52.603.126.766
Chi phí khác bằng tiền	18.721.437.734	14.613.791.114
<b>Cộng</b>	<b>101.326.688.760</b>	<b>92.966.245.585</b>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VII. Thông tin khác**

**1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan**

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	461.520.928
		Phải trả khác	(9.600.385.533)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	421.679.362.661
		Phải trả khác	(67.600.000)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Phải thu	175.124.099.715
		Phải thu khác	30.072.784
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	1.672.152.930
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	(10.762.639.776)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu	48.652.915.223
		Trả trước người bán	10.230.150.792
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải thu	318.352.942
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	74.237.146.292
		Phải thu khác	257.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.194.750.000)

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	77.465.234.090
		Cung cấp dịch vụ	6.000.000
		Lãi ứng vốn	3.038.386.443
		Nhận lợi nhuận được chia	25.835.345.694
		Mua hàng hoá	(59.505.003.800)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(72.669.380)
		Bán hàng hoá	588.442.946.431
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	413.160.000
		Lãi ứng vốn	414.494.030
		Nhận lợi nhuận được chia	113.544.818
		Nhận cung cấp dịch vụ	(78.925.593)
		Mua hàng hoá	(177.713.447.684)
		Bán hàng hoá	759.119.664.180
		Cung cấp dịch vụ	7.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Lãi ứng vốn	5.853.848.493
		Nhận lợi nhuận được chia	132.697.621
		Mua hàng hoá	(57.822.973.793)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(441.609.128)





**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	665.532.657.780
		Cung cấp dịch vụ	28.500.000
		Nhận lợi nhuận được chia	3.943.697.533
		Lãi ứng vốn	2.519.434.767
		Mua hàng hoá	(70.123.337.111)
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hoá	88.556.644.570
		Cho thuê tài chính	6.225.000.000
		Lãi ứng vốn	1.407.346.667
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Bán hàng hoá	22.864.045.130
		Bán tài sản cố định	29.366.325.438
		Cung cấp dịch vụ	4.207.941.180
		Lãi nhận ứng vốn	(1.219.838.982)
		Lợi nhuận được chia	90.720.675
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Bán hàng hoá	800.317.963.950
		Cung cấp dịch vụ	4.523.786.700
		Mua hàng hoá	(7.979.743.432)

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Cam kết khác**

- Công ty cam kết cho thuê 01 dây chuyền máy cắt thép lá và 01 dây chuyền xà băng thép lá đến Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (công ty con) theo hợp đồng thuê mua tài sản máy móc thiết bị số 434/SMC-2012; 435/SMC-2012 ngày 05/11/2012 và các phụ lục:

+ Thời gian thuê: từ ngày 01/11/2012 đến 31/12/2020. Công ty Cổ phần SMC Hà Nội sẽ được toàn quyền sở hữu tài sản tại thời điểm hoàn tất thanh toán toàn bộ giá trị tài sản thuê mua theo hợp đồng.

+ Tiền thuê mua: 6.225.000.000 đồng / năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại tại ngày 01/01 mỗi năm và điều chỉnh (nếu có) bằng phụ lục hợp đồng với mức tăng/giảm tối đa +/-10% tiền thuê mua.


+ Thanh toán tiền thuê: ân hạn 02 tháng kể từ ngày 01/11/2012 và thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

- Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản gốc vay phải trả của Công ty Cổ phần SMC Hà Nội và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC (các công ty con của Công ty) với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với tổng số dư nợ vay là 104 tỷ đồng.

  
 Nguyễn Thị Hồng Phúc  
 Người lập biểu

  
 Đỗ Doãn Thành Công  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 16 tháng 3 năm 2015

